

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu Tài chính và Bán lẻ với thanh khoản tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

MCH, GAS

[Cập nhật công ty]

PNJ

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị chốt lời từng phần quanh vùng kháng cự đáng lưu ý và chỉ kê mua một phần tỷ trọng trong các phiên điều chỉnh về lại vùng hỗ trợ sau đó.

10/07/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,149.02	+0.96
VN30	1,143.16	+1.22
HĐTL VN30F1M	1,136.50	+1.02
HNXIndex	228.37	+1.13
HNX30	442.60	+1.86
UPCoM	85.23	+0.67
USD/VND	23,658	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.68	-5
Lãi suất qua đêm (%)	0.36	-4
Dầu (WTI, \$)	73.27	-0.80
Vàng (LME, \$)	1,924.73	-0.02



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,149.02 (+0.96%)
KLGD (triệu CP) 814.7 (+18.4%)
GTGD (triệu US\$) 778.3 (+11.5%)

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu Tài chính và Bán lẻ với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng, tập trung tại PVD (+0.2%), POW (+0.76%) và VRE (-0.19%).

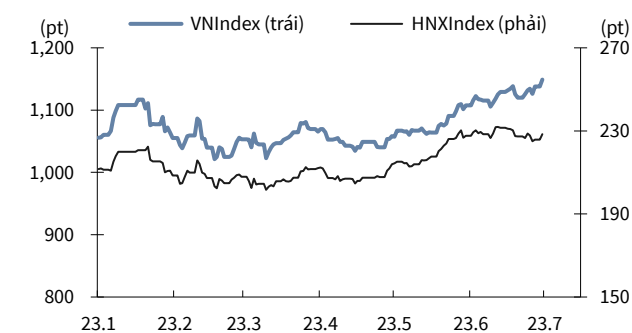
HNXIndex 228.37 (+1.13%)
KLGD (triệu CP) 120.4 (+41.5%)
GTGD (triệu US\$) 81.2 (+41.0%)

Theo thống kê từ Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), trong tháng 6/2023 có thêm 145,864 tài khoản chứng khoán cá nhân được mở mới, tăng hơn 45,000 tài khoản so với tháng trước và là mức cao nhất trong vòng 10 tháng qua. Giá cổ phiếu nhóm Chứng khoán tăng giá ở SSI (+3.97%), SHS (+4.38%).

UPCoM 85.23 (+0.67%)
KLGD (triệu CP) 78.7 (+19.4%)
GTGD (triệu US\$) 51.7 (+87.4%)

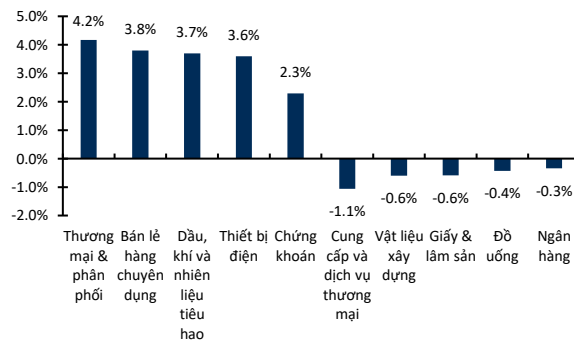
Giá dầu thế giới vào sáng nay ngày 10/7/2023 (theo giờ Việt Nam) tiếp tục tăng giá. Cụ thể, giá dầu thô WTI tăng 0.02 USD, lên mức 73.63 USD/thùng, trong khi giá dầu Brent hiện ở mức 78.15 USD/thùng. Giá cổ phiếu nhóm Dầu khí tăng giá ở PLX (+3.72%), BSR (+4.62%).

VNIndex & HNXIndex



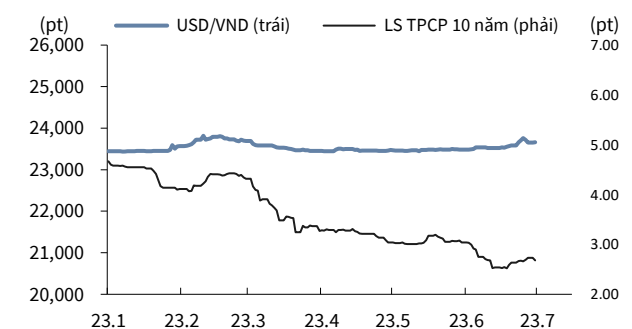
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



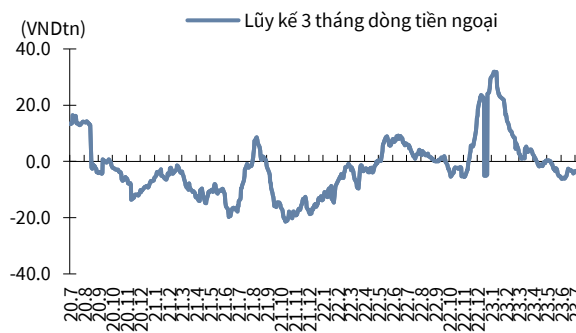
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

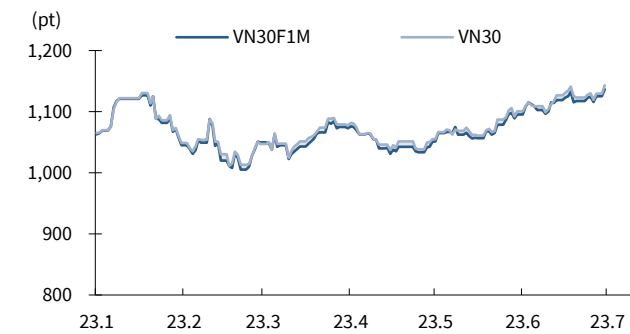
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,143.16 (+1.22%)
VN30F1M	1,136.5 (+1.02%)
Mở cửa	1,126.0
Cao nhất	1,136.5
Thấp nhất	1,126.0

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2307 và VN30 mở cửa ở mức -2.83 điểm, sau đó biến động giằng co quanh mức -7.37 điểm và đóng cửa tại -6.66 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

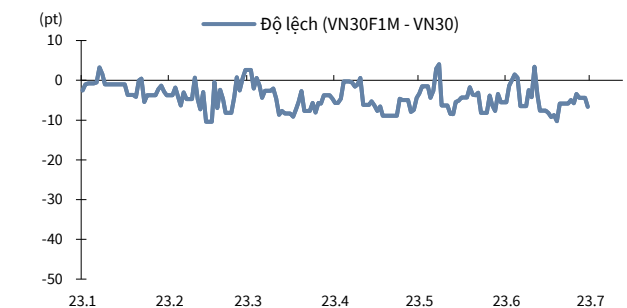
KLGD (HĐ) **159,192 (+4.2%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



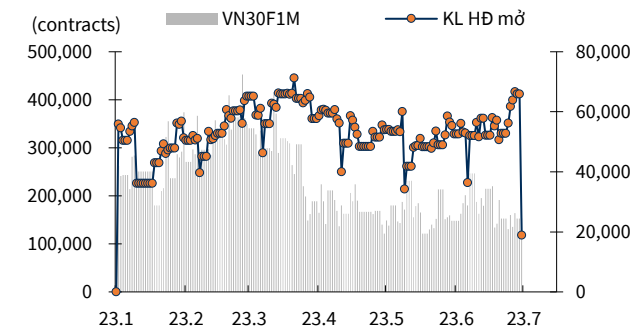
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



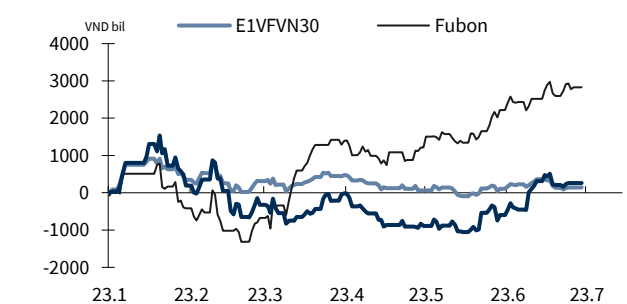
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

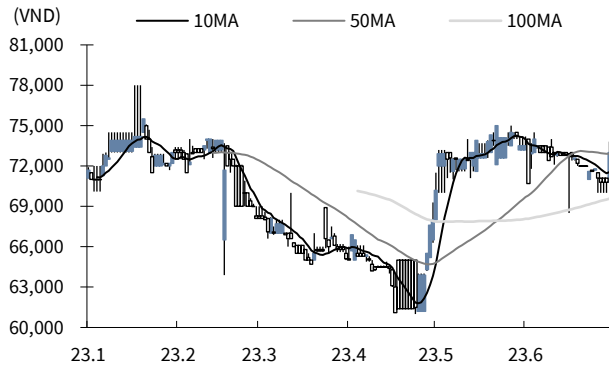
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

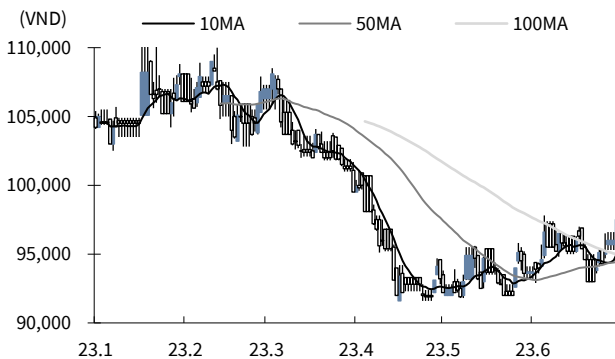
CTCP Hàng tiêu dùng MASAN (MCH)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MCH tăng 3.84% lên 73,000 VND/cp
- Ngày 19/7, CTCP Hàng tiêu dùng MASAN sẽ chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2023 với tỷ lệ 45%, ngày thanh toán là 14/8. Với hơn 727 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Masan Consumer dự chi khoảng 3,270 tỷ đồng cho đợt trả cổ tức lần này.

Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP (GAS)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GAS tăng 1.56% lên 97,000 VND/c
- Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP vừa công bố kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm với 45,117 tỷ đồng doanh thu (-17% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 6,035 tỷ đồng (-30% YoY). Về sản lượng nửa đầu năm, PV GAS đã nhận trên 4.1 tỷ m3 khí ẩm, sản xuất và cung cấp trên 3.9 tỷ m3 khí khô; sản xuất 46.4 nghìn tấn condensate; sản xuất và kinh doanh gần 1.1 triệu tấn LPG.

CTCP Vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ)

KQKD duy trì ổn định, kỳ vọng bứt phá cuối năm

22/06/2023

Chuyên viên phân tích Nguyễn Trường Giang
Giangnt1@kbsec.com.vn

KQKD 1Q2023 lập đỉnh lợi nhuận bất chấp những khó khăn của nền kinh tế

Bán lẻ trang sức tiếp tục duy trì kết quả khả quan trong khi các mảng khác suy giảm chung

Bước vào mùa thấp điểm KQKD giảm mạnh, dự báo hồi phục vào dịp cuối năm

Khuyến nghị: MUA - Giá mục tiêu 86,600 VND

Kết thúc 1Q2023, PNJ đạt doanh thu thuần 9,795 tỷ đồng giảm nhẹ 3% yoy, dù sức mua chung vẫn khá yếu nhưng bù lại Q1 là khoảng thời gian có ngày Vía Thần tài và rất nhiều ngày lễ nên PNJ gần như vẫn giữ được doanh số. Biên LNG tăng từ 17.2% lên 19.2% nhờ chiến lược cơ cấu hàng hoá và tối ưu hàng tồn kho. LNST đạt kỷ lục 749 tỷ đồng tăng 4% yoy, hoàn thành 38.8% kế hoạch.

Doanh thu bán lẻ trang sức 1Q2023 tiếp tục duy trì tương đương với mức kỷ lục trong năm 2022 dù cho sức mua chung toàn nền kinh tế suy giảm và 1Q2022 cũng là quý nhu cầu dồn nén mạnh sau đại dịch. Trong khi đó doanh thu bán sỉ giảm 19.2% yoy cho thấy sự khó khăn của các doanh nghiệp vàng bạc khác, doanh thu vàng miếng giảm nhẹ 3% yoy do đây vẫn là tài sản phòng thủ ưa thích của người dân. Nhờ chiến lược cơ cấu hàng hoá và quản trị hiệu quả hàng tồn kho, biên LNG toàn công ty cũng đã cải thiện đáng kể.

KQKD các tháng gần đây cho thấy sự suy giảm doanh số của PNJ khi bước vào mùa thấp điểm hơn nữa sức mua cũng chưa thực sự phục hồi. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng sức mua sẽ hồi phục vào thời điểm cuối năm nhờ (1) mùa cao điểm cưới, ngày lễ (2) ngành bán lẻ hưởng lợi từ hồi phục kinh tế nói chung.

Chúng tôi dự phóng KQKD năm 2023 của PNJ với doanh thu thuần đạt 33,720 tỷ đồng (-0.5% yoy), LNST đạt 1,789 tỷ đồng (-1% yoy). Chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu PNJ với giá mục tiêu 86,600 VND/cổ phiếu.

MUA DUY TRÌ

Giá mục tiêu 86,600 VND

Tăng/giảm (%)	16%
Giá hiện tại (22/6/2023)	74,500VND
Giá mục tiêu đồng thuận	90,300VND
Vốn hóa (nghìn tỷ VND/tỷ USD)	24.2/1.02

Dữ liệu giao dịch

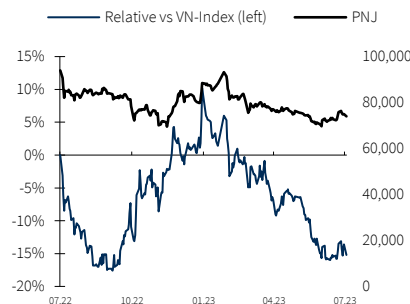
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	48.4%
GDTB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	60.81/2.6
Sở hữu nước ngoài	49%
Cổ đông lớn	VIETFUND (9.2%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	1	-3	-16	-21
Tương đối	-2	-7	-24	-15

Dự phóng KQKD & định giá

	2021	2022	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VND)	19,613	33,876	33,720	38,130
Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh	1,305	2,338	2,268	2,822
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	1,033	1,811	1,789	2,228
EPS (nghìn VND)	4,161	7,358	5,452	9,049
Tăng trưởng EPS (%)	-3.4%	75.3%	-1.2%	24.5%
P/E (x)	23.5	13.4	13.5	10.9
P/B (x)	4.0	2.9	2.6	2.2
ROE (%)	17%	25%	20%	22%
Tỉ suất cổ tức, phổ thông (%)	-8%	15%	20%	20%

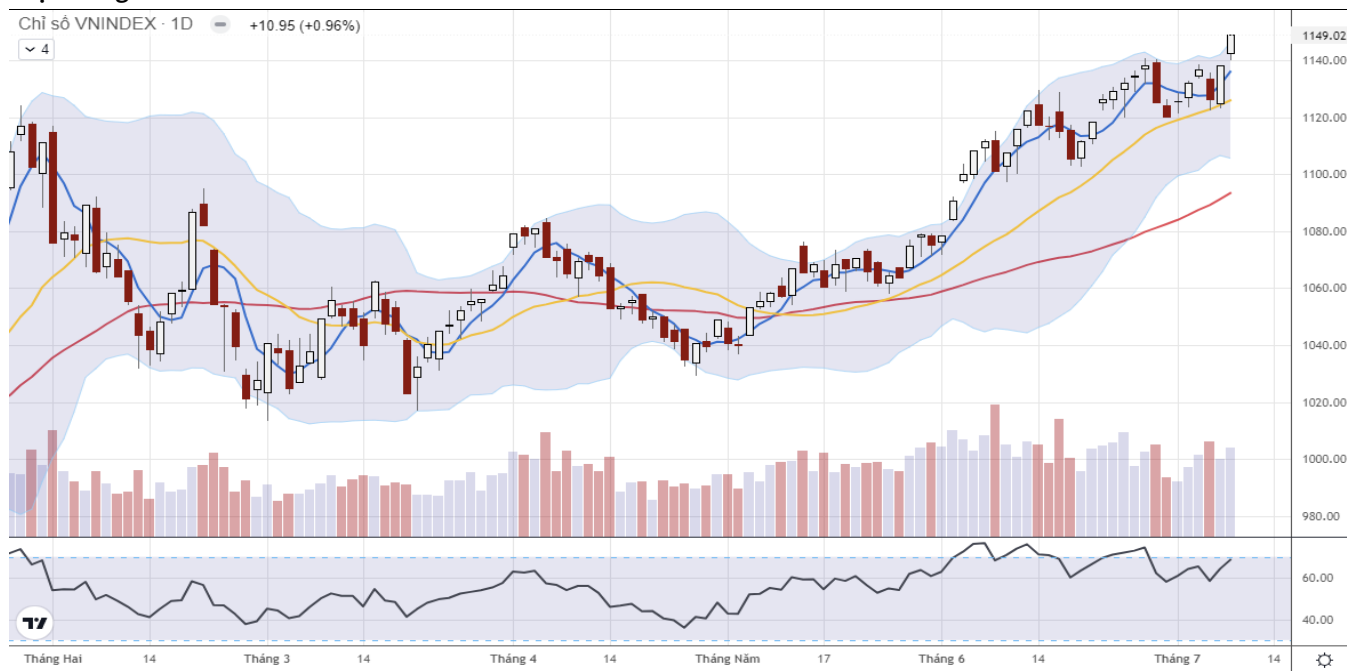


Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

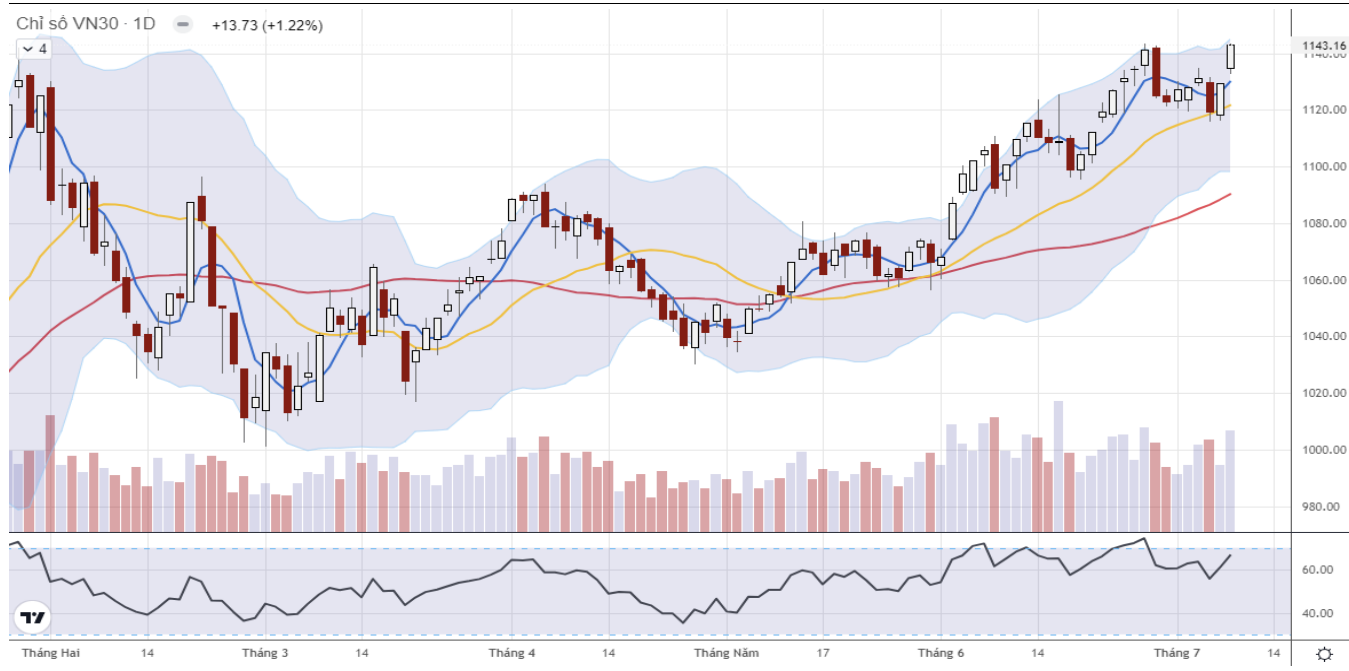
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



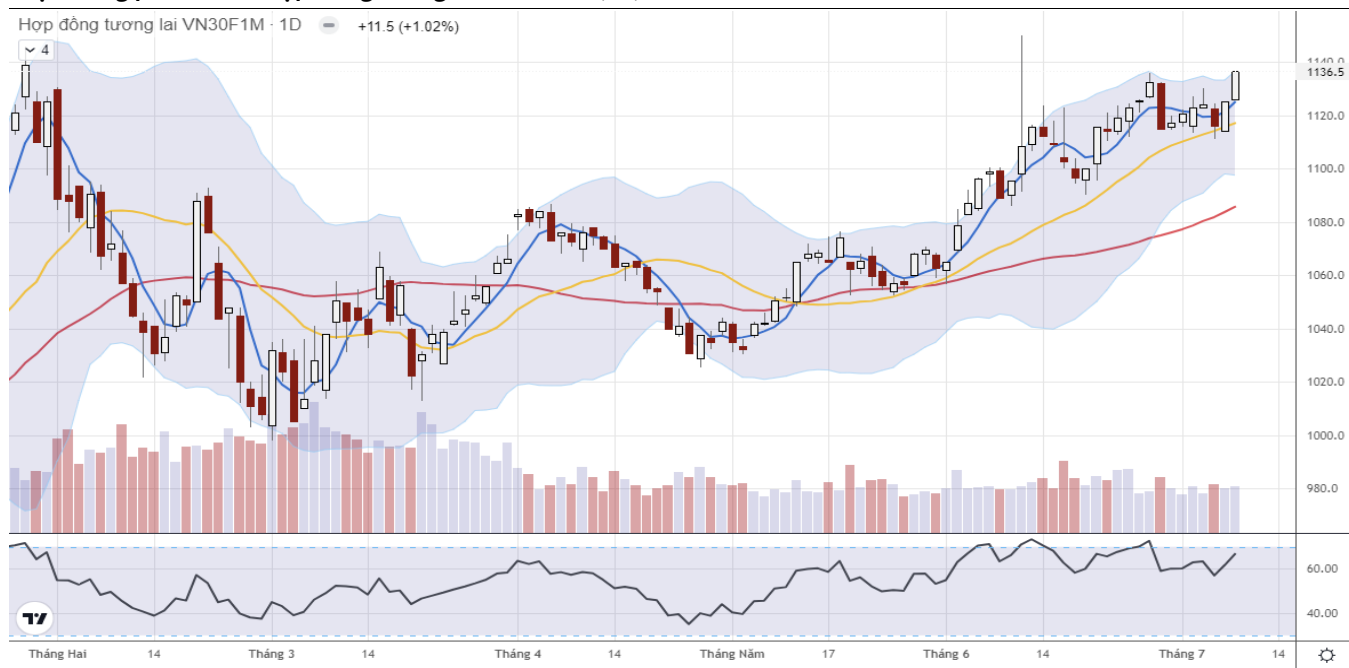
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm với biên độ mở rộng về cuối phiên cùng thanh khoản cải thiện.
- Áp lực bán suy yếu kết hợp với lực mua chủ động gia tăng về cuối phiên đã giúp cho chỉ số chinh phục vùng đỉnh cũ quanh 1140. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ ngày càng trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, VNIndex nhiều khả năng sẽ tiếp tục quán tính tăng điểm và hướng lên vùng kháng cự cấp trung quanh 105x.
- NĐT được khuyến nghị chốt lời từng phần quanh vùng kháng cự đáng lưu ý và chỉ kê mua một phần tỷ trọng trong các phiên điều chỉnh về lại vùng hỗ trợ sau đó.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1143 – 1145

Kháng cự gần: 1138 – 1140

Hỗ trợ gần: 1129 – 1132

Hỗ trợ xa: 1123 – 1125

- F1 tăng điểm với biên độ mở rộng về cuối phiên cùng thanh khoản cải thiện.
- Áp lực bán suy yếu kết hợp với lực mua chủ động gia tăng về cuối phiên đã giúp cho chỉ số tiến sát về vùng đỉnh cũ quanh 1135. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ ngày càng trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, VNIndex nhiều khả năng sẽ tiếp tục quán tính tăng điểm và hướng lên vùng kháng cự cấp trung quanh 1040-1145.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở SHORT tại kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

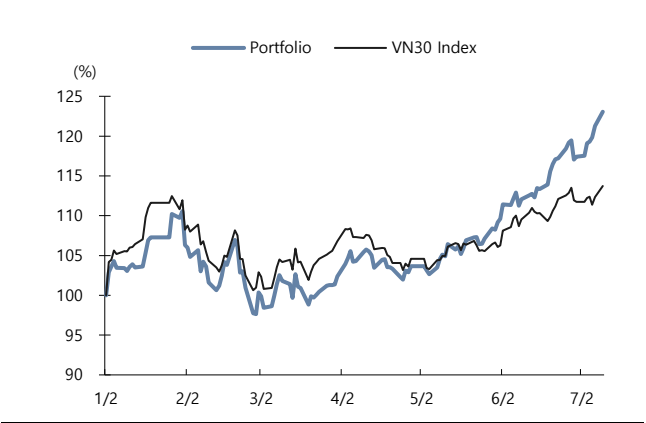
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luân duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.22%	1.46%
Tăng lũy kế (YTD)	13.73%	23.06%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 10/07/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	47,750	4.9%	23.6%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu nắm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	27,500	4.0%	31.3%	- Tiếp tục giữ vị trí dư nợ cho vay kỷ lục lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	73,700	2.6%	28.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	18,200	0.8%	3.4%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	24,300	-0.6%	42.1%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	75,300	0.0%	257.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	29,700	0.3%	57.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	97,500	1.6%	32.8%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	27,700	0.9%	148.8%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	30,600	0.0%	197.8%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	0.9%	25.8%	205.3
SSI	4.0%	43.4%	36.5
VHC	2.3%	31.7%	33.1
VCB	-2.2%	23.6%	32.4
GAS	1.6%	2.9%	28.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
KDC	0.0%	23.3%	-113.2
PVD	0.2%	22.3%	-73.7
VRE	-0.2%	32.5%	-53.2
NLG	-0.2%	43.1%	-49.5
MWG	5.0%	49.0%	-44.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
CEO	-1.4%	5.1%	2.2
INN	2.8%	4.5%	1.4
VNR	1.6%	27.2%	1.2
TNG	-0.5%	19.0%	1.0
VCS	2.5%	2.9%	0.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	1.5%	20.8%	-18.8
IDC	1.6%	1.1%	-4.0
PTI	0.0%	38.0%	-3.1
NVB	0.7%	8.4%	-0.7
SHS	4.4%	8.3%	-0.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	10.7%	PLX, PGC, CNG, GSP
Bán lẻ hàng chuyên dụng	9.5%	MWG, FRT, CTF, HAX
Thương mại & phân phối	8.0%	VPX, TSC, BTT, TNA
Hàng hải	6.7%	VSC, VOS, SKG, VTO
Chứng khoán	6.0%	SSI, VND, HCM, VCI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	-5.8%	TDP, SVI, MCP, TPC
Đồ uống	-2.2%	SAB, BHN, SMB, SCD
Giấy & lâm sản	-2.1%	DHC, HAP, HHP, VID
Quản lý & phát triển bất động sản	-1.3%	VHM, VIC, NVL, BCM
Vận tải hàng không & Logistics	-1.0%	TMS, SCS, STG, ASG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng hải	22.9%	VSC, VOS, SKG, VTO
Kim loại & khai thác	20.9%	HPG, HSG, NKG, KSB
Bán lẻ hàng chuyên dụng	16.4%	MWG, FRT, CTF, HAX
Dược	16.2%	DHG, IMP, TRA, DBD
Sản phẩm xây dựng	12.8%	VGC, BMP, SHI, DAG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	-5.8%	SAB, BHN, SMB, SCD
Hàng không dân dụng	-2.4%	VJC, HVN
Tiện ích điện	-2.3%	PGV, NT2, PPC, TTA
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-1.9%	TNH, JVC, VMD
Quản lý & phát triển bất động sản	-1.7%	VHM, VIC, NVL, BCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USD mn)	GTGD (VNĐ triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	113,073 (4.8)	22.5	58.0	57.8	14.7	3.0	2.9	1.7	1.7	1.6	-0.4	-2.7	-5.4
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	93,172 (4.0)	26.6	7.6	7.1	35.9	19.4	17.7	1.3	1.1	-0.4	-3.8	-3.1	12.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	106,344 (4.5)	17.8	15.5	14.0	-7.6	11.0	11.9	1.7	1.6	-0.2	-0.2	0.9	2.5
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	552,343 (23.4)	31.3	-	-	6.7	-1.8	-3.4	0.8	0.8	2.8	2.4	2.1	6.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	66,264 (2.8)	11.6	23.0	16.0	13.7	8.1	11.3	1.7	1.6	0.3	-0.3	-0.5	14.3
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	250,292 (10.6)	13.9	44.6	34.8	-	2.3	2.9	1.0	1.0	2.4	2.0	4.8	19.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	89,570 (3.8)	6.3	14.6	13.0	11.7	22.3	20.2	2.9	2.4	-2.2	2.7	2.2	28.4
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	61,251 (2.6)	12.7	13.2	9.8	-5.3	20.3	20.6	2.1	1.7	6.0	5.5	8.1	21.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	132,306 (5.6)	0.0	5.8	4.8	14.3	15.8	16.2	0.9	0.7	1.4	0.0	-1.2	23.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	154,762 (6.6)	1.4	8.8	7.4	50.3	16.1	17.5	1.2	1.0	0.3	1.5	4.8	9.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	314,826 (13.4)	0.0	9.7	7.0	18.8	11.6	14.0	1.1	1.0	1.0	1.0	2.8	12.0
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	227,107 (9.6)	0.0	4.9	4.3	14.6	23.5	22.1	1.0	0.9	1.5	2.7	2.5	21.3
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	43,707 (1.9)	4.2	4.8	4.5	23.3	22.9	20.4	1.0	0.9	0.0	-0.5	-0.8	15.0
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	463,414 (19.7)	14.0	8.0	5.0	26.5	18.6	24.0	1.2	1.0	0.8	0.5	6.2	32.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	66,413 (2.8)	0.0	4.8	4.2	37.4	20.0	19.6	1.0	0.8	0.8	0.3	-2.4	20.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	151,061 (6.4)	0.2	-	-	27.3	16.3	16.5	-	-	0.5	-1.2	-1.7	-12.6
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	45,481 (1.9)	21.0	16.3	14.9	15.8	10.0	10.3	1.6	1.5	0.8	2.5	4.1	-2.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	7,649 (0.3)	14.2	-	-	9.1	13.7	-	-	-	-0.2	4.6	5.0	16.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	502,824 (21.3)	55.4	15.9	14.1	-3.2	11.3	11.9	1.6	1.5	4.0	7.0	8.9	55.4
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	211,506 (9.0)	71.9	17.8	15.7	-4.0	15.0	15.6	2.6	2.3	2.2	12.2	19.8	79.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	188,584 (8.0)	52.4	18.5	16.9	-19.0	10.3	10.2	1.8	1.7	0.8	6.6	13.0	50.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	649,525 (27.5)	27.2	12.7	12.6	36.3	12.2	11.5	1.5	1.4	0.3	-5.8	-6.3	31.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	400,181 (17.0)	42.1	17.3	15.9	4.0	28.9	31.1	4.7	4.6	1.7	2.0	9.6	-5.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	21,848 (0.9)	36.9	19.9	18.0	7.3	21.6	22.0	3.7	3.8	-0.5	-2.2	-4.9	-9.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	99,370 (4.2)	16.5	33.1	16.5	-51.9	8.0	12.9	3.9	3.0	3.6	3.3	1.8	-16.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	18,125 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.6	0.8	-1.5	-6.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	77,319 (3.3)	11.0	81.4	44.2	-88.5	5.9	11.2	-	-	0.4	-0.2	-1.9	-14.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	45,677 (1.9)	10.8	10.9	17.5	-57.0	24.8	12.1	2.0	1.8	-0.2	5.9	8.4	22.7
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	219,329 (9.3)	38.4	14.7	12.0	65.7	2.4	3.8	0.9	0.9	1.1	-0.8	4.3	42.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	391,526 (16.6)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	5.1	0.3	1.6	56.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	46,708 (2.0)	3.6	27.5	23.2	-52.4	2.5	2.8	-	-	1.4	7.1	12.8	128.0
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	72,382 (3.1)	0.0	11.5	11.0	-4.5	15.9	15.3	1.6	1.5	0.8	0.8	6.1	5.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	67,618 (2.9)	46.1	15.5	14.6	-17.5	19.0	18.2	2.9	2.7	1.6	3.7	4.1	-3.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	21,521 (0.9)	31.4	12.1	10.2	-10.5	14.4	19.8	1.9	1.9	2.5	2.7	-5.1	5.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	3,466 (0.1)	34.1	15.0	6.1	-5.1	6.9	15.7	-	-	1.6	0.6	-3.6	27.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	624,012 (26.5)	18.0	19.0	12.8	21.9	8.7	11.7	1.6	1.4	0.9	5.7	21.0	53.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	105,468 (4.5)	36.5	9.5	10.9	-0.5	11.8	10.9	1.0	1.1	2.5	2.1	9.3	-15.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	124,474 (5.3)	46.5	12.1	9.0	-4.5	11.6	15.8	1.4	1.4	0.7	2.0	9.2	4.9
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	262,064 (11.1)	38.9	-	15.1	67.9	-1.9	7.7	1.1	1.0	1.5	6.4	8.6	55.6
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	67,681 (2.9)	97.2	16.2	13.8	17.2	6.2	7.2	-	-	1.3	6.0	0.4	68.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	41,102 (1.7)	4.6	17.1	16.6	-51.0	12.9	11.9	2.1	2.0	3.7	11.0	10.0	31.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	138,281 (5.9)	39.9	41.3	12.9	-11.9	4.6	7.9	1.0	0.9	0.2	0.2	5.5	39.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	86,920 (3.7)	35.9	8.9	8.2	2.2	14.5	14.5	1.1	1.0	1.7	1.1	13.3	6.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	184,333 (7.8)	0.0	24.4	14.0	14.4	11.1	17.5	2.8	2.4	4.9	11.0	15.3	11.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	72,821 (3.1)	0.0	14.0	11.3	2.4	20.3	22.4	2.5	2.2	2.6	-0.4	2.4	-18.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,224 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.7	-2.1	-0.7	53.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	78,527 (3.3)	30.3	90.8	25.3	-75.2	4.7	16.3	4.6	3.9	0.4	6.0	29.9	25.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	32,859 (1.4)	34.6	11.8	11.7	41.2	17.6	15.8	2.1	2.0	0.0	7.6	10.4	29.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	4,552 (0.2)	45.4	14.2	13.1	10.7	25.6	24.6	3.6	3.0	0.1	0.9	7.0	59.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	83,793 (3.6)	0.0	16.2	13.3	15.5	27.5	28.0	4.0	3.4	0.0	0.2	2.4	12.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoí phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhh@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

